

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 20/9/2023

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Linh và ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLST-DS, về việc Tranh chấp Kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-DS, ngày 21/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn V- sinh năm 1964 và bà Trần Thị N- sinh năm 1970.

Địa chỉ: KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Bùi Xuân Đ- sinh năm 1982.

Địa chỉ: KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2023, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc, nguyên đơn ông Bùi Văn V trình bày:

Vào năm 2011 ông V có đưa cho anh Bùi Xuân Đ (là cháu ruột) số tiền 200.000.000đ để mua chung 01 suất đất tại phường A với giá là 400.000.000đ.

Việc thực hiện chuyển nhượng và đứng tên chủ sử dụng là do anh Đ thực hiện. Năm 2020 ông V và anh Đ cùng nhau xác định giá trị thửa đất đó là 1,2 tỷ đồng, ai lấy đất thì sẽ phải trả cho bên kia 600.000.000đ, anh Đ là người chọn lấy đất và có trách nhiệm trả cho ông V 600.000.000đ (thực tế đã trả ngay 200.000.000đ và còn nợ lại 400.000.000đ hẹn trả trước tháng 6/2020) nhưng sau đó anh Đ không trả ông V số tiền trên và tự động chuyển nhượng thửa đất trên cho người khác mà không bàn bạc với ông V. Ông V đến đòi tiền anh Đ thì anh Đ thách thức tuyên bố không trả và muốn làm gì thì làm. Sau nhiều lần gặp gỡ và vì có quan hệ ruột thịt nên ngày 04/7/2022 hai bên đã chốt nợ bằng “*Giấy xác nhận nợ*” số tiền anh Đ phải trả ông V là 200.000.000đ và thời điểm trả là tháng 9/2022, nhưng đến nay anh Đ vẫn không trả nên buộc ông V phải khởi kiện đến Tòa án.

- Đồng nguyên đơn bà Trần Thị N đồng ý với quan điểm khởi kiện và trình bày của ông V; Ủy quyền cho ông V đại diện và quyết định toàn bộ vụ việc tranh chấp theo Giấy ủy quyền ngày 17/8/2023.

- *Tại bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, bị đơn anh Bùi Xuân Đ trình bày:* Việc ông V bà N là chủ thím ruột góp chung 200.000.000đ với anh để mua chung 01 suất đất với giá 400.000.000đ (mỗi bên ½) từ năm 2011 như ông V bà N trình bày là đúng. Để đầu tư trang trại chăn nuôi lợn anh đã phải thế chấp 05 thửa đất (trong đó có thửa đất chung với ông V) cho Ngân hàng. Năm 2019 do tình hình dịch bệnh và làm ăn thua lỗ nên anh đã bán thửa đất trên được 560.000.000đ và đã trả cho ông V bà N 200.000.000đ. Do ông V và bà N bắt ép anh ký các văn bản xác nhận nợ là còn nợ 200.000.000đ. Nay do anh ốm đau bệnh tật không có tài sản nên xin ông V chỉ trả tiền gốc 200.000.000đ góp ban đầu (đã trả) còn xin tiền lãi, còn không đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị Thanh H (vợ hiện nay của anh Đ) thể hiện:* Chị kết hôn với anh Đ năm 2015, hiện vợ chồng và các con sống nhờ trên nhà đất của bố mẹ đẻ anh Đ tại KDC G; Chị không biết việc ông V góp chung tiền mua đất với anh Đ và sau này anh Đ bán chuyển nhượng, chốt nợ với ông V như thế nào, không liên quan đến chị. Thực tế việc này là do anh Đ và vợ cũ là chị Vũ Thị L với ông Đ rồi vay vốn Ngân hàng và bị xử lý tài sản thế chấp thế nào chị không biết, không liên quan; Tại giấy vay nợ đề ngày 03/3/2020 và Giấy xác nhận nợ đề ngày 04/7/2022 chị có ký cùng anh Đ nhưng do ông V đưa cho ký và chị ký với tư cách làm chứng chứ không liên quan gì.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

Bị đơn anh Đ vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử của Tòa án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: Áp dụng: Điều 275, Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn V và bà Trần Thị N. Buộc anh Bùi Xuân Đ phải trả cho ông Bùi Văn V và bà Trần Thị N **200.000.000đ** (*Hai trăm triệu đồng*). Về án phí: Buộc anh Bùi Xuân Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

1.1. Giữa ông Bùi Văn V, bà Trần Thị N với anh Bùi Xuân Đ đã thiết lập văn bản xác nhận nợ số tiền 200.000.000đ từ ngày 04/7/2022. Nay xảy ra tranh chấp bị đơn anh Bùi Xuân Đ có địa chỉ cư trú tại KDC G, phường T, thành phố Chí Linh nên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1.2. Bị đơn anh Bùi Xuân Đ đã có bản tự khai tường trình và cung cấp các tài liệu nhưng vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Năm 2011 vợ chồng ông V bà N đã góp số tiền 200.000.000đ cùng với anh Đ để mua chung thửa đất có giá trị 400.000.000đ đứng tên anh Đ. Đến ngày 03/3/2020 các bên thỏa thuận định giá thửa đất trên có giá 1.200.000.000đ và anh Đ lấy toàn bộ thửa đất trên và có nghĩa vụ trả cho ông V bà N số tiền 600.000.000đ, đã trả 200.000.000đ còn nợ lại 400.000.000đ và hẹn trả trước tháng 6/2020. Nhưng thực tế do làm ăn thua lỗ anh Đ đã tự bán thửa đất trên và không trả tiền cho ông V bà N. Khi ông V bà N đến đòi tiền thì các bên đã thỏa thuận lại theo đó vì là quan hệ chú cháu ruột nên vợ chồng ông V bà N chỉ lấy số tiền 200.000.000đ còn lại và hẹn đến tháng 9/2022 sẽ trả. Hai bên đã lập văn bản xác nhận nợ và cùng ký nhận ngày 04/7/2022. Nhưng đến nay anh Đ vẫn chưa trả ông V bà N số tiền 200.000.000đ theo thỏa thuận.

2.2. Anh Đ xác nhận việc góp tiền mua chung đất; xác nhận hai bên thỏa thuận và lập văn bản xác nhận phải trả cho ông V bà N số tiền 200.000.000đ ngày 04/7/2022 nhưng do hiện nay anh không có tiền, không có tài sản để trả; anh Đ cho rằng bị bắt ép ký nhận các văn bản trên nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Nên có căn cứ xác định, anh Bùi Xuân Đ còn nợ ông Bùi Văn V bà Trần Thị N số tiền là 200.000.000đ, phát sinh nghĩa vụ trả nợ từ ngày 04/7/2022. Nay ông V bà N khởi kiện yêu cầu anh Đ trả số tiền còn nợ trên là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều Điều 275, Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về tiền lãi: Do ông V bà N không yêu cầu nên không phải xem xét.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Bùi Xuân Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 275, Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn V và bà Trần Thị N.

Buộc anh Bùi Xuân Đ phải trả cho ông Bùi Văn V và bà Trần Thị N **200.000.000đ** (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc anh Bùi Xuân Đ phải chịu 10.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Bùi Văn V số tiền 5.000.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003835 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Bách